

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2018/HS-ST**

Ngày: 20/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Quang Lực

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ B P, tỉnh Đ B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B P tham gia phiên tòa: Bà Vì Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ B P, tỉnh Đ B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2018/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/HSST- QĐ đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN MINH N** - Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 21 tháng 9 năm 1978, tại huyện V T, tỉnh V P.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 20, phường Him Lam, thành phố Đ B P, tỉnh Đ B.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Không.

Trình độ học vấn: 9/12 phổ thông.

Con ông: Trần Q H Sinh năm: 1957

Con bà: Bùi Thị H Sinh năm: 1959

Hiện điều trú tại: Thôn 8, xã Đ Đ, huyện V T, tỉnh V P.

Anh, chị, em ruột: Có 05 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Vợ: Nguyễn Thị H - sinh năm: 1985 (đã ly hôn).

Bị can có 01 con sinh năm 2005.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bị cáo có một tiền án về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/01/2018 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:* Anh Lò V L; Sinh năm 1979. Địa chỉ: Bản C, xã T M, thành phố Đ B P, tỉnh Đ B (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn T T – Sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ dân phố 20, phường H L, thành phố Đ B P, tỉnh Đ B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 17/01/2018, Trần M N mượn xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu đen, biển kiểm soát 88K4 – 9663 của chị Nguyễn Thị T đi vào bản C, xã T M, thành phố Đ B P để mua lợn. Khi đi đến đầu bản thì thấy nhà anh Lò Văn L không có cổng, N phóng xe vào trong sân gọi to hỏi xem có ai trong nhà không nhưng không có ai trả lời, N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N xuống xe, đi vào gầm sàn nhà thì thấy phía bên phải có 01 chiếc chuồng gà bằng lưới nhựa xanh bên trong có khoảng 10 con gà. N thấy trước mặt có 01 chiếc bao tải màu vàng đã cũ liền nhặt lên rồi lén lút lại gần chuồng gà, vén lưới quây lên, chui vào trong, bắt 04 con gà lông màu đỏ đen, tổng khối lượng 5,1kg, trị giá 714.000 đồng cho vào bao tải thì bị anh Lò Văn L phát hiện. N để gà và xe lại rồi bỏ chạy. Sáng ngày 18/01/2018, N lên công an xã T M đầu thú.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B P giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo Trần M N đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

2. Các vấn đề khác:

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày ngày 19/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ B P xác định: Mức giá thiệt hại của tài sản định giá (5,1 kg gà) là: 714.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trả lại số tài sản N trộm cắp đã thu giữ được cho người bị hại anh Lò Văn L. Anh L không yêu cầu N phải bồi thường gì khác.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Cáo trạng số 26/CT- VKSTPĐBP ngày 18/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B P truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B P đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần M N từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 2 Điều 56 BLHS tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án số 11A/2016/HSST ngày 25/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đ B P là 17 tháng 08 ngày cải tạo không giam giữ, quy đổi thành 05 tháng 23 ngày tù.

- Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đề

ngợi Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Áp dụng: Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Trần M N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thành phố Đ B P; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo Trần Minh N, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể: Vào khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 17/01/2018, tại bản C, xã T M, thành phố Đ B P, Trần M N có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 04 con gà có tổng trị giá 714.000 đồng của anh Lò Văn L nhưng chưa mang ra khỏi phạm vi quản lý của chủ sở hữu thì bị phát hiện (phạm tội chưa đạt). Nên đây là tình tiết định tội được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá ... dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...b) Đã bị kết án về tội này ... chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”...

Hành vi trên của bị cáo được chứng minh tại: Vật chứng thu giữ; Kết luận định giá; Lời khai của người bị hại và của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Trần M N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B P truy tố bị cáo Trần M N về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo sinh ra và lớn lên tại V P, được gia đình nuôi ăn học đến lớp 09/10 phổ thông . Năm 1988 xây dựng gia đình với chị Nguyễn Thị H và sinh được một người con, năm 2006 ly hôn. Năm 2014 tạm trú tại Đội 1, xã S, huyện Đ B, tỉnh Đ B, nghiện ma túy từ năm 2014 đến tháng 9/2016. Tháng 10/2017 tạm trú tại: Tổ 20, phường H L, TP Đ B P, tỉnh Đ B.

Tháng 4/2007 Tòa án nhân dân Quận K A, thành phố H P xử phạt 9 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản", hiện được xóa án tích.

Ngày 25/11/2016 Tòa án nhân dân TP Đ B P xử phạt 36 tháng cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản. Thời giam chấp hành án từ ngày 16/01/2017 tại xã San Mứn, huyện Đ B , tỉnh Đ B .

Ngày 19/01/2018, Trần M N bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ B P khởi tố, bắt tạm giam về tội Trộm cắp tài sản.

Nguyên nhân dẫn đến phạm tội: Bị cáo đã có một tiền án về tội "trộm cắp tài sản" đã được xóa án tích và 01 tiền án về tội "trộm cắp tài sản" đang trong thời hạn chấp hành bản án, nhưng do bản thân ham chơi, lười lao động dẫn đến việc tiếp tục trộm cắp tài sản của người khác.

Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

Tại bản án số 11A/2016/HSST ngày 25/11/2016, N bị Tòa án nhân dân thành phố Đ B P xử phạt 36 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản, khấu trừ 67 ngày tạm giam, N còn phải chấp hành 29 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Tính đến ngày phạm tội mới, bị cáo đã chấp hành được 12 tháng 01 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy, phần hình phạt bị cáo chưa chấp hành là 17 tháng 08 ngày cải tạo không giam giữ. Quy đổi 03 ngày cải tạo không giam giữ bằng 01 ngày tạm giam là 05 tháng 23 ngày tù. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội, để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có thể giúp bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 về hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy: Bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, không có khả năng thi hành hình phạt tiền, Hội đồng xét xử không áp dụng hình

phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự: Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 04 con gà có tổng trị giá 714.000 đồng. Người bị hại anh L đã nhận lại và không yêu cầu bị cáo bồi thường và anh Loan có ý kiến xin xét xử vắng mặt, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường gì; về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét đề nghị của anh L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần M N 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án số 11A/2016/HSST ngày 25/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đ B P, tỉnh Đ B. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 11 tháng 23 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (19/01/2018). Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Chấp nhận biên bản về việc trả lại tài sản ngày 01/02/2018.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần M N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2018). Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTPĐBP;
- Nhà tạm giữ Công an TPĐBP;
- Cơ quan CSĐT CATP ĐBP;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Toà án ND tỉnh Đ B ;
- Sở Tư pháp;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIỆN TÒA**

Bùi Thị Thu Hằng